

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SONG

Số: 137 /TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đắk Song, ngày 15 tháng 12 năm 2023

## TỜ TRÌNH

### Thông qua phân bổ kế hoạch vốn thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Đắk Song  
Nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 7

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;*

Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét thông qua phân bổ kế hoạch vốn thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024, với nội dung như sau:

#### **I. Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023.**

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;



3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND, ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

**II. Cân đối ngân sách nhà nước phân bổ vốn kế hoạch thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024: 65.809 Tr.đồng. trong đó:**

1. Ngân sách trung ương: 49.769 Tr.đồng;
2. Ngân sách tỉnh: 1.040 Tr.đồng;
3. Ngân sách huyện quản lý: 15.000 Tr.đồng.

**III. Dự kiến kế hoạch phân bổ vốn: 65.809 Tr.đồng, cụ thể:**

1. CTMTQG xây dựng nông thôn mới: 23.205 Tr.đồng, gồm:
  - a) Ngân sách trung ương: 11.214 Tr.đồng;
  - b) Ngân sách huyện quản lý: 11.991 Tr.đồng.
2. CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 32.089 Tr.đồng, gồm:
  - a) Ngân sách trung ương: 28.997 Tr.đồng;
  - b) Ngân sách tỉnh: 753 Tr.đồng;
  - c) Ngân sách huyện quản lý: 2.339 Tr.đồng.
3. CTMTQG giảm nghèo bền vững: 10.515 Tr.đồng, gồm:
  - a) Ngân sách trung ương: 9.558 Tr.đồng;
  - b) Ngân sách tỉnh: 287 Tr.đồng;
  - c) Ngân sách huyện quản lý: 670 Tr.đồng.

(Chi tiết như phụ lục kèm theo)

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân huyện Đắk Song xem xét, phê chuẩn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Ngô Đức Trọng**



Phụ lục  
**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024**  
 (Kèm theo Tờ trình số 137 /Tr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung/Dự án	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2024												Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó:												
			Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương									
			Tổng số	Trong đó:		Ngân sách tỉnh			Ngân sách huyện			Nhân dân đóng góp			
ĐTPT	SN	Tổng		ĐTPT	SN	Tổng	ĐTPT	SN							
	<b>TỔNG CỘNG A+B+C</b>	<b>178.740</b>	<b>112.661</b>	<b>65.809</b>	<b>49.769</b>	<b>35.979</b>	<b>13.790</b>	<b>1.040</b>	<b>655</b>	<b>385</b>	<b>15.000</b>	<b>11.008</b>	<b>3.992</b>	<b>967</b>	
<b>A</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI</b>	<b>100.192</b>	<b>50.237</b>	<b>32.089</b>	<b>28.997</b>	<b>26.793</b>	<b>2.204</b>	<b>753</b>	<b>650</b>	<b>103</b>	<b>2.339</b>	<b>2.100</b>	<b>239</b>	<b>0</b>	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	572	1.880	745	745	745			0		0				
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	84.000	36.642	22.326	21.776	21.776		150	150		400	400			
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hoá chuỗi giá trị		928	470	360		360	33		33	77		77		
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	7.107	2.671	2.589	2.589	2.239	350	0			0				
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		112	61	61		61	0			0				
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	8.482	2.318	5.150	2.834	2.739	95	535	500	35	1.781	1.700	81		
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khoẻ nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em		394	0	0			0			0				
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em		339	304	304		304	0			0				
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn		4.773	131	131		131	0			0				
X	Dự án 10: Truyền thống, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	31	180	313	197	39	158	35		35	81		81		
<b>B</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG</b>	<b>6.450</b>	<b>16.230</b>	<b>10.515</b>	<b>9.558</b>	<b>165</b>	<b>9.393</b>	<b>287</b>	<b>5</b>	<b>282</b>	<b>670</b>	<b>12</b>	<b>658</b>	<b>0</b>	
I	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo		4.157	4.552	4.138		4.138	124		124	290		290		
II	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng		2.372	1.694	1.540		1.540	46		46	108		108		
III	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	6.450	8.941	3.451	3.137	165	2.972	94	5	89	220	12	208		
IV	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin		0	157	143		143	4		4	10		10		
V	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình		760	661	600		600	19		19	42		42		
<b>C</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI</b>	<b>72.098</b>	<b>46.194</b>	<b>23.205</b>	<b>11.214</b>	<b>9.021</b>	<b>2.193</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>11.991</b>	<b>8.896</b>	<b>3.095</b>	<b>967</b>	
I	Phân bổ cho dự án đã thực hiện năm 2022 và năm 2023		13.373	5.527	400	400		0			5.127	4.225	902		
II	Dự án thực hiện năm 2024			8.775	6.175	6.175		0			2.600	2.600		967	
III	Các nhiệm vụ thực hiện năm 2024			8.903	4.639	2.446	2.193	0			4.264	2.071	2.193		

